

# VĂN HOÁ SINH THÁI TẠI CỘNG ĐỒNG

Phạm Thành Nghị\*

## 1. Văn hoá sinh thái

Văn hoá được các nhà xã hội học định nghĩa như tập hợp các giá trị, niềm tin, tập tục, truyền thống, lối sống và những đặc trưng xã hội khác nữa. Các nhà nhân học coi văn hoá là tập hợp những hành vi và quan niệm mà con người học hỏi được với tư cách là thành viên của xã hội (Schultz & Lavenda, 2001).

*Văn hoá sinh thái* là tổ hợp kiến thức sinh thái có chủ tâm và những quan điểm về mối quan hệ giữa các hình thức sống và môi trường, về vai trò và vị trí của con người trong tự nhiên như thực thể sinh học-xã hội (Ecological Culture of Citizens). Văn hoá sinh thái còn bao gồm những tập tục, lối sống thân thiện với môi trường được hình thành và phát triển trên nền tảng những quan điểm, kiến thức sinh thái.

Văn hoá sinh thái bao gồm văn hoá sinh thái vật thể và văn hoá sinh thái trí tuệ. *Văn hoá sinh thái vật thể* bao gồm công nghệ đảm bảo sự bền vững sinh thái của sản xuất công nghiệp, đó là các thiết bị, dụng cụ để kiểm soát ô nhiễm, công nghệ sạch, công nghệ xử lý chất thải, những vật dụng nhân tạo như đồ dùng gia đình, quần áo, đồ ăn và môi trường thân thiện được tạo ra phù hợp với những yêu cầu của sinh thái và tối ưu cho cuộc sống con người và sự phát triển. *Văn hoá sinh thái trí tuệ* bao gồm các quan điểm, niềm tin, ý thức, ý định cũng như hệ thống các giá trị sinh thái

và xã hội làm cơ sở cho các hành vi thân thiện với hệ sinh thái và giới tự nhiên.

Văn hoá Việt Nam được hình thành từ những triết lý phương Đông vững chắc về sự chung sống và hoà đồng với thiên nhiên, những thuận lợi do thiên nhiên tạo ra và nhu cầu phải thích nghi với thiên nhiên phóng khoáng nhưng cũng rất khác nghiệt.

Triết lý văn hoá lúa nước, văn hoá xóm làng của người Việt được hình thành trong lịch sử và là kết quả của quá trình chuyển biến từ chỗ lệ thuộc vào tự nhiên đến chỗ học tập và thích nghi với tự nhiên. Do điều kiện canh tác lúa nước phụ thuộc rất nhiều vào thiên nhiên, người nông dân đã biết tích lũy kinh nghiệm, nắm bắt quy luật biến động của tự nhiên, tận dụng thuận lợi phục vụ cho cuộc sống của mình. Cách làm ăn đã thích nghi hài hoà với tự nhiên thì cách ăn ở, ứng xử cũng phù hợp và hài hoà với thiên nhiên.

Mối quan hệ gần gũi với thiên nhiên do điều kiện canh tác lúa nước đã làm người Việt ý thức được sự phụ thuộc của mình vào điều kiện môi trường, sống hoà đồng với thiên nhiên. Lối sống hoà đồng với thiên nhiên đó có những điểm tích cực đáng kể. Sản xuất nông nghiệp được coi như một chu trình khép kín theo phương thức sản xuất và tiêu thụ cổ truyền. Người nông dân dùng phân chuồng, phân bắc và các loại chất mùn, rác để bón cho đất; sau khi thu hoạch, những phần hoa màu không dùng làm thức ăn cho con người được dùng làm

\* PGS.TS., Viện Nghiên cứu Con người.

thức ăn cho gia súc, làm nhiên liệu đun nấu, ủ phân. Theo phương thức đó, nguyên liệu được tiêu thụ triệt để không có đồ phế thải có hại cho môi trường (Huỳnh Khải Vinh, 2000).

Lối sống truyền thống tiêu dùng cần kiệm, thân thiện với thiên nhiên đã tạo cho người Việt ý thức tự tăng gia sản xuất, tạo ra sản phẩm ngay trên mảnh đất của mình, điều hoà sinh thái ngay trên mảnh đất đó, không tìm cách đạt lợi nhuận tối đa, huỷ hoại môi trường, làm mất cân bằng sinh thái. Cũng xuất phát từ lối sống giản dị, cần kiệm, người Việt lấy cái đẹp tự nhiên để so sánh với nét đẹp của con người.

Chính cuộc sống tự cung tự cấp ở các làng - xã, các phẩm vật được tạo ra và tiêu dùng tại chỗ, phục vụ cho các khâu trong quá trình tiêu dùng tại cộng đồng, người dân ý thức được sự tồn tại có nhau trong cộng đồng và sự tiêu dùng các vật dụng theo một chu trình khép kín tại cộng đồng.

Các triết lý tôn giáo cũng ảnh hưởng tới cách ứng xử của cộng đồng với tự nhiên. Đạo Phật từ bi (tôn giáo chính của Người Việt trước kia) dựa trên niềm tin không sát sinh, không gây tổn thương đau đớn, không làm hại con người và mọi loài sinh vật, từ bỏ ham muốn vật chất, vượt tới sự giác ngộ chân lý đạo. Chính đạo lý này có ảnh hưởng rất tích cực tới việc bảo vệ đa dạng sinh học, thúc đẩy chọn lọc tự nhiên, nâng cao nhận thức về vòng sinh thái, cơ sở của xây dựng môi trường vì sự phát triển bền vững.

Nhiều lễ hội, tín ngưỡng về sự biết ơn và trân trọng thiên nhiên, coi thiên nhiên như đấng Thần linh cứu giúp cho dân tránh được thiên tai. Tục thả cá, chim sống về thiên nhiên cũng góp phần

làm tăng ý thức người dân về việc giữ gìn sự đa dạng sinh học. Quan niệm mọi vật đều có linh hồn làm xuất hiện *vật linh giáo*. Có thể nói, *vật linh giáo* là cội nguồn của các tín ngưỡng mang sắc thái duy tâm, tuy nhiên nó có ảnh hưởng tích cực đến ý thức bảo vệ môi trường sinh thái.

Tuy nhiên, do hoạt động sống theo lối cổ truyền dựa trên nền sản xuất quy mô nhỏ (gia đình), con người không chủ động được cuộc sống, hơn nữa phạm vi di chuyển chủ yếu trong cộng đồng, tâm nhìn người dân hạn chế, chỉ thấy cái trước mắt, không thấy cái tổng thể, cái lâu dài, cộng đồng chưa ý thức một cách thấu đáo, tự giác các yếu tố của hệ sinh thái, sự cần thiết của việc tiêu thụ hết chất thải bảo đảm sự vận hành bình thường của hệ sinh thái tự nhiên.

Khi xã hội chuyển sang nền sản xuất cơ khí và cơ cấu sản xuất không thuần túy chỉ còn là thích nghi, hoà nhập và sao phỏng tự nhiên mà hướng tới chinh phục tự nhiên, những vật phẩm nhân tạo không quay lại được với tự nhiên, gây ô nhiễm. Hơn nữa, công nghiệp hoá, hiện đại hoá làm gia tăng mức độ khai thác tài nguyên, phá hoại sự cân bằng sinh thái. Hậu quả là cách tiêu dùng truyền thống đang bị thay thế bởi cách tiêu dùng của "xã hội tiêu thụ". Cuộc đấu tranh gay gắt để giữ lại những nét văn hoá truyền thống diễn ra không chỉ ở thành thị mà ngay cả ở nông thôn, nơi các cộng đồng đã từng có lối sống thích nghi, hoà nhập chứ không phải theo lối sống chinh phục và làm chủ thế giới như định hướng giá trị phương Tây.

Ngày nay, mục tiêu toàn cầu là hình thành văn hoá sinh thái, ý thức và các kiểu hành vi để đạt được sự bền vững sinh thái cho sự phát triển của cộng

đồng nhân loại. Mục tiêu này liên quan đến kiến thức về thành phần, cấu trúc và nguyên tắc vận hành và tiến hoá của hệ sinh thái; nguyên tắc về sự tương tác giữa cá nhân, xã hội và cả loài người với giới tự nhiên đảm bảo phát triển bền vững hệ sinh thái; các kỹ năng nghiên cứu sinh thái, môi trường và giải quyết các vấn đề sinh thái; các giá trị tương tác với tự nhiên và duy trì cân bằng sinh thái.

Trong quá trình nghiên cứu ý thức sinh thái cộng đồng ở 16 làng, xã trên địa bàn 4 tỉnh: Bắc Giang, Hải Dương, Thừa Thiên Huế và Đồng Nai, chúng tôi đã phát hiện được 3 cộng đồng có văn hoá sinh thái đã được hình thành khá rõ nét. Phần trình bày dưới đây xin đi sâu vào từng cộng đồng đó.

## 2. Văn hoá sinh thái tại ba cộng đồng

### (a) Hoạt động sản xuất xanh và văn hoá sinh thái ở Khả Lý Hạ

Khả Lý Hạ là một thôn của xã Quảng Minh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Nghề nghiệp chính của dân cư trong cộng đồng là làm nông nghiệp. Khả Lý Hạ được gọi là "*Làng năng suất xanh*" do vừa đạt năng suất cao trong sản xuất nông nghiệp, vừa giữ được môi trường xanh, sạch, đẹp. Đây là một điển hình lồng ghép mục tiêu bảo vệ môi trường vào hoạt động sản xuất. Khả Lý Hạ đạt danh hiệu "*Làng bảo vệ môi trường tốt*" cấp Tỉnh 5 năm liền. Từ năm 1993, dưới sự lãnh đạo của chi bộ và sự quản lý của trưởng thôn, Khả Lý Hạ đã tích cực thực hiện phong trào "*Năng suất xanh*". Nội dung của chương trình này là nâng cao năng suất lao động gắn liền với việc bảo vệ môi trường sinh thái như thâm canh gối vụ (lúa và hoa màu), trồng rau sạch và làm giàu cho đất bằng cách tự

tạo phân hữu cơ mà không sử dụng phân hoá học, phòng trừ dịch hại tổng hợp bằng công nghệ tạo vi sinh vật bản địa, tránh gây ô nhiễm môi trường bằng cách sử dụng dung dịch thực vật lên men theo phương pháp đơn giản, dung dịch hoa quả lên men, hầm Bioga, thường xuyên thu gom rác thải cả trong thôn lẫn ngoài đồng ruộng. Năm 1995, với sự hỗ trợ 30% kinh phí của Nhà nước, kết hợp với tổ chức cho vay vốn lãi suất thấp, Khả Lý Hạ đã hoàn thành chương trình nước sạch, bê tông hoá đường làng ngõ xóm. Năm 2001, Khả Lý Hạ thử nghiệm chương trình công nghệ mới của Hàn Quốc tự chế biến các loại phân vi sinh và thuốc trừ sâu bằng thân cây đổ lác, gốc rau muống, gừng, tỏi, chuối, đường, xương động vật và cá vụn vừa làm sạch đồng ruộng, vừa làm giàu thêm cho đất, lại có thể phòng trừ được nhiều loại sâu bệnh lâu dài. Phải nói thêm rằng, ngoài hoạt động sản xuất lồng ghép mục tiêu bảo vệ môi trường, các phong trào vệ sinh hàng ngày, hàng tuần được duy trì đều đặn nhờ tinh thần tự giác và có trách nhiệm của các thành viên cộng đồng.

Lãnh đạo cộng đồng được người dân tin tưởng, yêu quý và cảm phục như những thủ lĩnh. Đội ngũ lãnh đạo hoạt động đều tay, mạnh dạn và hết sức dân chủ. Chính đội ngũ này đã trấn trở vì sự phát triển bền vững của cộng đồng, chủ động đề xuất các phương án phát triển kinh tế với các cơ quan có thẩm quyền. Các phương án sản xuất được đưa ra bàn bạc, thảo luận công khai với người dân. Khi triển khai thực hiện, không chỉ người lãnh đạo mà đại bộ phận bà con nông dân đều có trách nhiệm cao. Lãnh đạo ở đây là nòng cốt tập hợp quần chúng, động viên, khuyến khích và lôi kéo họ tham gia. Cùng với chiến lược

phát huy nội lực của cộng đồng, lãnh đạo thôn Khả Lý Hạ đã tận dụng sự giúp đỡ của các cơ quan tư vấn khoa học-kỹ thuật, áp dụng tiến bộ khoa-học kỹ thuật vào sản xuất đưa cộng đồng đi vào con đường phát triển bền vững. Ở Khả Lý Hạ, văn hoá sinh thái đã được hình thành từ sự quan tâm tới việc giữ cân bằng của hệ sinh thái.

Tóm lại, ở Khả Lý Hạ, thông qua hoạt động sản xuất bền vững, người dân hiểu được các yếu tố của hệ sinh thái, sự tác động qua lại giữa chúng với nhau và vai trò của từng con người và toàn bộ cộng đồng trong duy trì sự cân bằng hệ sinh thái. Đặc biệt, những hành vi, thói quen phù hợp đã được hình thành và củng cố. Khả Lý Hạ đã giải quyết được vấn đề phát triển kinh tế lồng ghép với mục tiêu bảo vệ môi trường. Văn hoá sinh thái được hình thành trên cơ sở hiểu biết, sản xuất và giữ cân bằng sinh thái.

#### *(b) Làng văn hoá sinh thái Lâm Xuyên*

Ở làng Lâm Xuyên, Phú Điền, Nam Sách, Hải Dương, một làng thuần nông, với truyền thống hiếu học, tôn sư trọng đạo, ăn sạch ở sạch đã có từ lâu nên con người ở đây rất quan tâm tới việc bảo vệ môi trường sống. Làng đã xây dựng thành công mô hình làng văn hoá, ăn sạch ở sạch. Làng thành lập các "liên gia" để dễ dàng phối hợp hoạt động. Mỗi liên kết dòng họ, dòng tộc đóng vai trò quan trọng. Trong quy ước Làng văn hoá, việc giữ gìn vệ sinh môi trường, ăn ở sạch là mối quan tâm hàng đầu của các tổ chức xã hội và các thành viên cộng đồng. Các hộ gia đình, dưới sự lãnh đạo của chi bộ, trưởng thôn đã thống nhất với nhau rằng "*khô vức nhà nào nhà ấy dọn sạch sẽ*". Đoàn thanh niên là tổ chức được giao duy trì phong trào này. Các đoàn viên thanh niên luôn

luôn nhắc nhở bà con giữ vệ sinh. Lãnh đạo cộng đồng tổ chức tốt hoạt động trồng cây xanh ở các đường làng, ngõ xóm, mọi người (kể cả trẻ em) đều ra sức chăm sóc những hàng cây này. Những năm qua, làng đã cải tạo đường sá, xây cống rãnh, đặt thùng đựng phế thải; Đoàn thanh niên nhận trách nhiệm xử lý số rác thải này, tạo cho cộng đồng thói quen đổ rác đúng nơi qui định. Bên cạnh đó, các bậc phụ huynh thường xuyên nhắc nhở con cái phải sống vệ sinh, bảo vệ môi trường. Trong qui ước của làng, ý thức bảo vệ môi trường xanh, sạch, đẹp được đề cao.

Ở Lâm Xuyên, lãnh đạo cộng đồng đã chủ động tìm kiếm nghề phụ, mời nghệ nhân về dạy nghề cho người dân trong thời gian nông nhàn. Từ một làng sản xuất đồ gốm gây ô nhiễm, lãnh đạo cùng người dân quyết định chuyển sang đan mây tre xuất khẩu. Nghề này được lựa chọn bởi không gây ô nhiễm môi trường. Lãnh đạo hiểu được nhu cầu, nguyện vọng của người dân mong muốn có công ăn việc làm, đời sống kinh tế phát triển và đã hết lòng vì họ. Người dân cộng đồng tin tưởng tuyệt đối vào lãnh đạo và cho rằng Lâm Xuyên trở thành Làng văn hoá có sự đóng góp lớn lao của trưởng thôn và Chi bộ.

Lối sống, văn hoá cộng đồng ở Lâm Xuyên dựa trên triết lý giữ cân bằng sinh thái được duy trì từ nhiều đời. Mặc dù, về kinh tế, Lâm Xuyên không phải là cộng đồng khá giả, mọi người dân vẫn hướng tới lối sống duy trì sự phát triển bền vững.

#### *c) Hình thành văn hoá sinh thái qua hoạt động bảo vệ môi trường tại xã Thuỷ Tân*

Cách đây nhiều năm, xã Thuỷ Tân, Hương Thuỷ, Thừa Thiên Huế là vùng

có nhiều bệnh dịch, công tác bảo vệ môi trường còn yếu kém. Ngày 19-11-1997, Ban chấp hành xã đoàn đã thành lập *Đội thanh niên tình nguyện xanh* bảo vệ môi trường. Nhiệm vụ của *Đội* là tổ chức tuyên truyền nội dung bảo vệ môi trường đến từng người dân trong cộng đồng. Việc đầu tiên của *Đội* là phối hợp với Mặt trận Tổ quốc xã tổ chức xây dựng và triển khai qui ước bảo vệ môi trường cho các trưởng làng, trưởng xóm, trưởng họ tộc và các ban ngành trong cụm dân cư. *Đội* đã in và phát hành trong nhân dân toàn xã tờ rơi với khẩu hiệu "3T" (*Tận dụng, Tiết kiệm và Tái sinh*) nhằm hạn chế xả rác sinh hoạt bừa bãi; tổ chức tập huấn kiến thức và kỹ năng bảo vệ môi trường sống cho các thành viên của *Đội*; điều tra, khoanh vùng các tụ điểm và các gia đình có vấn đề môi trường; tổ chức ra quân làm vệ sinh môi trường trên hàng ngàn mét vuông ao hồ, cống rãnh tù đọng, ô nhiễm. *Đội* đã phối hợp với UBND xã, động viên và tổ chức cho các làng ký cam kết, qui ước bảo vệ môi trường. Các trưởng họ trong làng được vận động vào ban điều hành để dễ dàng đôn đốc các gia đình thực hiện cam kết. *Đội* đã chủ động phối hợp với Sở Khoa học-Công nghệ và Môi trường nghiên cứu, đề xuất giải pháp thử nghiệm việc áp dụng các giá trị truyền thống, văn hoá làng xã cho việc cụ thể hoá các đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước ở địa bàn nông thôn. Hương ước của các làng trong xã ra đời. Nội dung của hương ước chủ yếu gồm các qui định đối với các dòng họ, gia đình về việc bảo vệ môi trường, giữ gìn cảnh quan. Để phổ biến nhanh, rộng rãi cho bà con, một đội viên *Tình nguyện xanh* là giáo viên tiểu học ở làng Chiết Bi đã viết một bài về về hương ước này, do đó chỉ trong vòng một

tuần từ sau khi hương ước được ký kết, mọi người dân đã thuộc lòng nội dung hương ước. Ít lâu sau, trên cơ sở hương ước về bảo vệ môi trường này, Làng Chiết Bi đã phát triển thêm nội dung và xây dựng thành quy ước làng văn hoá. Mô hình này đã được nhân rộng ở các làng xung quanh như Tô Đà 1, Tô Đà 2, Hoà Phong và được nhiều địa phương khác đến tham quan, học tập.

Đa số dân ở Thuỷ Tân theo đạo Phật. Năm bắt được tâm tư, nguyện vọng của phật tử là "lên chùa phải ăn chay", *Đội thanh niên tình nguyện* đã tổ chức phát động phong trào dọn vệ sinh vào ngày 14 và 29 âm lịch hàng tháng. Dùng hệ thống loa truyền thanh, *Đội* đã cung cấp thông tin về cơ chế cân bằng sinh thái và hậu quả của sự mất cân bằng sinh thái. *Đội thanh niên tình nguyện xanh* còn kịp thời nêu gương các cá nhân, gia đình, các làng làm tốt công tác vệ sinh môi trường và nhắc nhở những gia đình vi phạm. Điều đó có tác dụng giáo dục và khuyến khích người dân tích cực tham gia làm vệ sinh, bảo vệ môi trường và qua đó nâng cao ý thức, hình thành văn hoá sinh thái.

Tại Thuỷ Tân, văn hoá sinh thái cộng đồng được hình thành cùng với hoạt động bảo vệ và cải tạo môi trường. Người dân có sự hướng dẫn của *Đội thanh niên tình nguyện* đã dần dần có kiến thức về các yếu tố của hệ sinh thái, tác hại của sự mất cân bằng sinh thái. Thông qua hoạt động, người dân đã có hành vi phù hợp và họ thực sự trở thành người chủ của cộng đồng. Sự lãnh đạo của Chi bộ Đảng, vai trò đi đầu của Đoàn thanh niên có ý nghĩa quan trọng. Tín ngưỡng, lòng tự trọng và những đặc trưng văn hoá khác đã trở thành nền tảng trong hình thành văn hoá sinh thái tại cộng đồng.

### 3. Kết luận

*Giữa văn hoá sinh thái và chất lượng môi trường có mối quan hệ thuận.* Ở những cộng đồng có môi trường được đánh giá tốt, văn hoá sinh thái được hình thành và ở những nơi có môi trường bị tàn phá, hoàn toàn vắng mặt văn hoá sinh thái.

*Cán bộ cộng đồng có vai trò quan trọng trong hình thành văn hoá sinh thái.* Lãnh đạo đưa vào cộng đồng hệ giá trị mới, hình thành lối sống mới. Người dân không những nhận thức sâu sắc hơn, đầy đủ hơn mà còn có tầm nhìn xa hơn, đặc biệt ở những cộng đồng có môi trường được đánh giá tốt đều do lãnh đạo có hiểu biết về sự phát triển bền vững, luôn coi bảo vệ môi trường là một hoạt động quan trọng. Trong vai trò người tổ chức hoạt động bảo vệ môi trường và xây dựng văn hoá sinh thái, lãnh đạo cộng đồng luôn đi đầu trong thực hiện các hoạt động, gương mẫu, chấp nhận vất vả và điều đó đã tác động tích cực đến nhận thức, thái độ và hành động của người dân. Lãnh đạo đã lôi kéo

được người dân tham gia phong trào bảo vệ môi trường và hình thành ở họ lối sống sinh thái.

*Văn hoá sinh thái* được hình thành trên cơ sở sự tôn trọng tự nhiên, bảo vệ môi trường và giữ cân bằng sinh thái. Ở đâu phát huy được truyền thống tốt đẹp, loại bỏ được các tập tục lạc hậu trong sinh hoạt, sử dụng phương pháp sản xuất sạch, ở đó văn hoá sinh thái được hình thành. Sự có mặt của văn hoá sinh thái là cơ sở quan trọng đảm bảo sự phát triển bền vững của cộng đồng.

#### Tài liệu tham khảo:

Huỳnh Khải Vinh: *Những vấn đề văn hoá Việt Nam đương đại*. Nxb. KHXH. Hà Nội, 2000.

Schultz E.A. & Lavenda R.H. (2001) *Nhân học - Một quan điểm về tình trạng nhân sinh*. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

Ecological Culture of Citizens, [www.see-educoop.net/education-in/](http://www.see-educoop.net/education-in/)♦